TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09 tháng 4 năm 2026
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - *Chủ toạ* phiên *toà: ông Đỗ Thành Công.*

Các Hội thẩm nhân dân*: bà Vũ Thị Thanh* Hương, bà Lê Thị Hòa

Thư ký phiên toà: ***bà Nguyễn Thị Lan*** Hương - Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát ***nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hậu*** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 157/2026/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2026 về việc: "Tranh chấp hôn nhân gia *đình" theo Quyết định đưa vụ* án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST - hngđ ngày 09 tháng 3 NĂM 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ch***ị*** Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: bà Văn Thị Thanh H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số A, N, phường V, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bạch Văn ***S,*** sinh năm 1986, có mặt

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10//202***5, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q và tại phiên tòa, người*** đại diện theo ***ủy quyền là*** bà ***Văn Thị Thanh H trình bày:***

Về tình cảm vợ chồng: ***Chị Nguyễn Thị Q*** và *anh Bạch* Văn S kết hôn với nhau từ năm 2010, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND xã N, nay là xã V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau và có khoảng thời gian hạnh phúc; sau đó trong cuộc sống hàng ngày phát sinh các mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp; tuy được gia đình hai bên động viên nhưng không có kết quả, vợ chồng ngày càng không quan tâm nhau, tình cảm nhạt nhẽo. Năm 2022 vợ chồng làm thủ tục ly hôn, và tại quyết định số: 43/2022/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2022 của TAND huyện Vĩnh Tường cũ đã công nhận thuận tình ly hôn giữa hai vợ

chồng. Sau đó, do muốn các con có chung bố mẹ, hai bên đã tiếp tục đăng ký kết hôn lần thứ hai ngày 07/7/2023 và về chung sống với nhau. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, tháng 04/2025 chị đã chuyển ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bạch Thị Mỹ L, sinh *ngày 08/04/2011 và* cháu Bạch Đăng A, sinh ngày 01/8/2013, hiện các cháu đang sống cùng anh S.

Tuy chị rất mong muốn được nuôi con chung; nhưng do các con hiện sống cùng anh S, hai cháu không thể sống ở hai nơi khác nhau. Nên, ly hôn, chị Q đồng ý để anh sinh nuôi cả hai con chung, chị đồng ý đóng góp nuôi con cùng anh S là 1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị xin chịu nộp toàn bộ *theo quy định.*

Bị đơn là anh Bạch Văn S, quá trình giải quyết vụ án *và tại phiên* tòa trình bày:

Về thời gian, thủ tục ***kết hôn, quá trình chung sống,*** thời gian vợ ***chồng ly thân*** như ***chị Q trình bày là đúng. Hiện vợ chồng đã*** sống ly thân, hai bên cũng không còn tình cảm với nhau nữa. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phần lớn là do chị Q có biểu hiện ngoại tình, không quan tâm đến gia đình, con cái; anh đã nhiều lần tha thứ, nhưng chị Q không thay đổi.

Anh đồng ý với yêu cầu của chị Q, đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Anh S xác định lời trình bày của chị Q về việc vợ chồng có 02 con chung, hiện do anh nuôi dưỡng là đúng; *anh đồng ý* với quan điểm của chị Q về nuôi con chung. Anh sẽ trực tiếp nuôi cả hai con, chị Q phải đóng góp nuôi con chung cùng anh là 1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và *tại* phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, HĐXX, thư *ký phiên tòa và* các đương sự đã thực hiện đúng quy ***định của Bộ luật tố tụng dân sự.***

Về nội *dung vụ án:* đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của quy định về án *phí và lệ phí Tòa* án

- Cho chị Q và anh S được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Bạch Thị Mỹ L, sinh ngày 08/04/2011 và cháu Bạch Đăng A, sinh ngày

01/8/2013, hiện các cháu đang sống cùng anh S. Chị Q phải đóng góp nuôi con chung cùng anh S là 1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị HĐXX giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Q khởi kiện anh S**,** yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con. Bị đơn cư trú tại xã V, tỉnh Phú Thọ. Theo các quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ.

Chị Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (chị Q có người đại diện tham gia phiên tòa). Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q và anh S là tiến bộ, hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn với nhau, các bên đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung cùng nhau. *Tuy nhiên, trong cuộc sống* hàng ngày đã phát sinh những bất hòa mâu thuẫn mà nguyên nhân một phần do trong cuộc sống hôn nhân, các bên không hiểu nhau, không chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống; bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và hiện đã sống ly thân. Cuộc hôn nhân đã một lần được giải quyết cho ly hôn, tuy sau đó các bên đã cố gắng về đoàn tự thêm một lần nữa nhưng vẫn không có kết quả tốt đẹp. Cả hai bên đều xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng. Việc vợ chồng xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bạch Thị Mỹ L, sinh ngày 08/04/2011 và cháu Bạch Đăng A, sinh ngày 01/8/2013, hiện các cháu đang sống cùng anh S. Chị Q phải đóng góp nuôi con chung cùng anh *S* là 1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng

Ly hôn, các bên thỏa thuận để anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Chị Q phải đóng góp nuôi con chung cùng anh S là 1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng.

Xét thỏa thuận của đương sự: Hiện các con chung đang sống cùng nhau, do anh S nuôi dưỡng; các cháu có quan điểm muốn sống cùng anh S; anh S có công việc, có thu nhập và đủ điều kiện nuôi con. Nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các

đương sự. Giao con chung cho anh S nuôi dưỡng; chị Q đóng góp nuôi con chung cùng anh S.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do các bên đương sự thỏa thuận được về việc ly hôn nên án phí phải chịu là 150.000 đồng.

Chị Q tự nguyện *chịu nộp 300.000 đồng án phí (cấp dưỡng nuôi con) là phù* hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Bạch *Văn S.*

2. Về con *chung: Giao cho anh* Bạch Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Bạch Thị Mỹ L, sinh ngày 08/04/2011 và cháu Bạch Đăng A, sinh ngày 01/8/2013, hiện các cháu đang sống cùng anh S. Chị Q phải đóng góp nuôi con chung cùng anh S là 1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng, bắt đầu tính từ tháng 4/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh S có yêu cầu thi hành án, nếu chị Q không nộp đủ số tiền nuôi con chung theo quyết định nêu trên, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: các bên không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; nhưng được trừ số tiền

300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0003308 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Buộc chị Q phải tiếp tục nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể **từ** ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Phú Thọ;
- Các đương sự; Luật sư Hoa;
- UBND xã Vĩnh Hưng, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thành Công